

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2024.

V/v “Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long*

*Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Trọng Thúy*

*Ông Nguyễn Quốc Nông*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

*Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2024; Quyết định hoãn số 106/2024/QĐ-ST ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984*

*Nơi ĐkHKTT: Ngự Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.*

*Nơi ở hiện nay: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.*

*Bị đơn: Anh Lê Trạc A, Sinh năm 1993.*

*Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Ngự Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.*

*Nơi ở hiện nay: Đài Loan*

*Tại phiên tòa chị T và anh A đều vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Lê Trạc A đăng ký kết hôn ngày 02/07/2015 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chúng tôi kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc, sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được hạnh phúc được một thời gian đến năm 2023 anh A đi Đài Loan thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chúng tôi đã không còn quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, để cả hai được tự do có cuộc sống mới nên tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Lê Trạc A**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Như Ý, sinh ngày 10/03/2016.

Tại thời điểm chị **T** làm đơn khởi kiện cho đến nay anh **A** không có mặt tại Việt Nam nên chị **T** đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Ý, đây cũng là nguyện vọng của cháu Như Ý. Chị **T** không yêu cầu anh **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **T** trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh **A** ở bên Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh **A** vẫn thường xuyên liên lạc với bố đẻ là ông **Lê Trạc N** và bà **Đỗ Thị H**, địa chỉ tại **Ngư Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Chị **T** đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố, mẹ anh **Lê Trạc A**.

*\* Tại các buổi xác minh tại gia đình anh **A**, có mặt bố, mẹ đẻ của anh **A** Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông, bà.*

*\* Tại các biên bản lấy lời khai ông **Lê Trạc N** và bà **Đỗ Thị H** trình bày:*

Ông, bà là bố, mẹ đẻ của anh **Lê Trạc A** và là mẹ chồng của chị **Lê Thị T**. Hiện nay anh **A** đi xuất lao động tại Đài Loan, địa chỉ ông, bà không biết, thỉnh thoảng anh **A** liên lạc với ông, bà và gia đình qua mạng xã hội. Về hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 02/7/2015 tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**, mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2023 khi anh **A** đi xuất khẩu lao động Đài Loan và chị **T** đã đi làm ăn xa để con lại cho ông bà nuôi và mâu thuẫn đã được ông, bà hòa giải nhiều lần nhưng không được, nay chị **T** yêu cầu ly hôn ông, bà không có ý kiến gì, ông, bà nhận các giấy tờ sẽ thông báo lại cho anh **A**. Về con thì có cháu Lê Thị Như Ý sinh ngày 10/3/2016, hiện cháu ở với ông bà từ 11 tháng tuổi cho đến nay, việc nuôi con tùy anh **A** và chị **T** quyết định ông, bà không có ý kiến gì.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

*Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.



Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 208, Điều 477, Điều 478 BLTTDS và công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Lê Thị T** được ly hôn với anh **Lê Trạc A**; Giao cháu Lê Thị Như Ý, sinh ngày 10/03/2016 cho chị **Lê Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu anh **A** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xem xét và quyết định.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày hiện tại bị đơn anh **Lê Trạc A** đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Tại công văn số: 15114/QLXNC-P3 ngày 11/7/2024 của **Bộ C** cung cấp thông tin cho Tòa án xác định anh **Lê Trạc A**, sinh ngày 19/08/1993 đã xuất cảnh ngày 27/06/2023. Do trong vụ án này có bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên có nơi cư trú cuối cùng tại **Ngư Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị **Lê Thị T** chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh **A** ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh **A** ở tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bố, mẹ của anh **A** từ chối khai báo, cung cấp thông tin và chỉ nhận giấy tờ. Tuy nhiên gia đình vẫn nắm bắt thông tin qua mạng xã hội với anh **A** ở nước ngoài nên sẽ thông báo cho anh **A**, vì vậy Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn có tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị **Lê Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Lê Trạc A** vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh **Lê Trạc A** và chị **Lê Thị T**.

[2]. Xét nội dung khởi kiện của chị **Lê Thị T**:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Trạc A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Giấy đăng ký kết hôn ngày 02/7/2015 do **UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** cấp là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh **A** đi Đài Loan vợ chồng xa cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không quan tâm nhau, không còn tình cảm và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị **T** thấy tình cảm vợ chồng đã hết đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh **A** để sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy, cuộc sống chung của chị **T** và anh **A** không còn tồn tại, mục đích hôn nhân là cùng tạo lập, xây dựng cuộc sống chung không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **Lê Trạc A** là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh **Lê Trạc A** và chị **Lê Thị T** có một con chung là cháu Lê Thị Như Ý, sinh ngày 12/01/2009. Nguyên vọng của chị **T** là trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Như Ý không yêu cầu anh **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy hiện tại anh **A** đang làm việc tại Đài Loan, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Ý được nên giao cháu Như Ý cho chị **T** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của cháu Như Ý là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** về việc không yêu cầu anh **A** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên, quá trình nuôi dưỡng con chung, để bảo đảm cuộc sống cho cháu, khi cần thiết chị **T** có quyền khởi kiện yêu cầu anh **A** cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét. Anh **A** không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh **A** có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị **Lê Thị T** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 273; Điều 477; Điều 478; Điều 479 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.



Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Lê Thị T**.

- Về hôn nhân: Chị **Lê Thị T** được ly hôn với anh **Lê Trạc A**.

- Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Thị Như Ý, sinh ngày 10/03/2016 cho mẹ đẻ là chị **Lê Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh **Lê Trạc A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **A** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị **Lê Thị T** không yêu cầu giải quyết tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp tại Biên lai thu số: 0000444 ngày 26/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Trạc A** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND x. Thăng Long, h. Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSV, tổ HCTP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đại Long**